

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- NGHỆ AN**
Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3- 2026
Về việc: “Ly hôn ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Dũng và bà Nguyễn Thị Xoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Nghệ An tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026; Quyết hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Nghệ An giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977

Số CCCD: 0401770041585. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H1, Sinh năm: 1975;

Số CCCD: 040075025517. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Đều cùng địa chỉ: xóm K, xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, Bản tự khai; đơn xin xét xử vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, nay là xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 17/7/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đầu năm 2005, anh H1 đi làm ăn xa và có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau thời gian này, chị đã bỏ qua và cho anh H1 nhiều cơ hội thay đổi nhưng anh H1 vẫn chứng nào tật ấy làm cho tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nặng nề hơn, đến giữa năm 2005 vợ chồng chị sống ly thân với nhau, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay chị nhận thấy vợ chồng đã hết tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H1.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn H1 có 01 con chung Phạm Văn K, sinh ngày 23/10/2000. Nay con chung của anh chị đã trên 18 tuổi, trưởng thành, sống tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Phạm Văn H1 nhưng anh H1 không đến, vì vậy Tòa án không thể lấy lời khai của anh H1 và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn H1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Biên bản xác minh ngày 25/12/2025 thể hiện: Bị đơn anh Phạm Văn H1 có nơi cư trú tại xóm K, xã T, tỉnh Nghệ An. Anh H1 thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H đang sống ly thân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì.

- Về đường lối xử lý vụ án: Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Nguyễn Thị Hồng ly H2 với anh Phạm Văn H1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Đề nghị Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1. Bị đơn là anh Phạm Văn H1 có nơi cư trú tại xóm K, xã T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 tự nguyện đăng ký kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hôn nhân, giữa chị H và anh H1 phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2005. Chị H và anh H1 đã sống ly thân, mỗi người một nơi kể từ giữa năm 2005 cho đến nay, không còn quan tâm, liên lạc, chăm sóc nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Phạm Văn H1 nhưng anh H1 vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và tại các phiên tòa, mặt khác nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, điều đó thể hiện giữa các đương sự không thể hòa giải, hàn gắn được nữa.

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn H1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị và anh Phạm Văn H1 có 01 con chung Phạm Văn K, sinh ngày 23/10/2000. Nay con chung của anh chị đã trên 18 tuổi, trưởng thành, sống tự lập, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Nghệ An là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 207; khoản 1, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn H1.

2. Về con chung: Con chung của chị H và anh H1 là Phạm Văn K, sinh ngày 23/10/2000, đã trên 18 tuổi, trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003489 ngày 09/12/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An phát hành.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Vân